TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 12 - 2019
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Quang B**, **s**inh ngày: 12/03/1962; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: …, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: …, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Đoàn Thị M**, sinh ngày: 05/12/1974; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: …, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Quang B và chị Đoàn Thị M đăng ký kết hôn ngày 21/10/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Tứ Dân, huyện Châu Giang (nay là huyện Khoái Châu), tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với tại tổ 36B, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 04 năm, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh B về quê ở tại thôn Phương Trù, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Mặc dù hai bên đã tự khuyên giải nhiều lần nhưng không thành.

Về con chung Anh B và chị M có 02 con chung là: Nguyễn Hải T, sinh ngày 03/12/1999 (đã thành niên) và Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/10/2006 đang ở cùng anh B.

Quan điểm của anh B: Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng tôi rất nặng nề, căng thẳng và không có tiếng nói chung. Đã một lần anh gửi đơn xin ly hôn tới Tòa án, sau đó rút lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M. Về con chung: Anh yêu cầu Toà án giao con chung Nguyễn Quang V cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của chị M: Nội dung trình bày của anh B về quá trình tìm hiểu và kết hôn là đúng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh B đã tự ý mang theo hai con về quê tại thôn Phương Trù, xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Hiện tại, chị vẫn còn tình cảm với anh B, nên chị không đồng ý ly hôn với anh B. Trường hợp ly hôn, chị muốn nuôi con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành.

Tại văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án và Biên bản lấy lời khai cùng ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, cháu Nguyễn Quang V có quan điểm: Trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu muốn ở với bố, vì cháu đã quen với cuộc sống và môi trường học tập ở Hưng Yên nên không muốn thay đổi.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, ông Từ Quang T (tổ trưởng tổ 36B, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh) cung cấp như sau: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B chị M về chung sống với nhau tại tổ 36B, khu 10, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh B đưa 02 con về quê ở tỉnh Hưng Yên sinh sống. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Biên bản xác minh có xác nhận của chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; đương sự đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

1) Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;

2) Giao con chung Nguyễn Quang V cho anh Nguyễn Quang B trực tiếp nuôi dưỡng; chị M không phải cấp dưỡng nuôi con;

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang B và chị Đoàn Thị M có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc chứ không thể bị ép buộc. Nhưng hai bên đã không cùng chung sống từ lâu, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau nữa, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi dưỡng con chung: Anh B và chị M có 02 con chung, con lớn đã thành niên, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ và phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình, còn con nhỏ chưa thành niên cần có người trực tiếp chăm lo, nuôi dưỡng. Cả hai vợ chồng là lao động tự do, có việc làm và thu nhập, có điều kiện nuôi dưỡng con. Nhưng cháu Nguyễn Quang V có quan điểm muốn ở với bố để cuộc sống ổn định hơn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và ý chí của con, Hội đồng xét xử cần giao con nhỏ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] **Về án phí**: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] **Về quyền kháng cáo bản án**: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Nguyễn Quang B.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Quang B được ly hôn chị Đoàn Thị M.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/10/2006 cho anh Nguyễn Quang B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi);

2.2. Chị Đoàn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Chị Đoàn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị M.

2.4. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003034 ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; anh Nguyễn Quang B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- UBND xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

Nguyễn Thành Lâm